TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** THÀNH PHỐ C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 20/2022/QĐST-DS	*P, ngày 18 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 155/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1951

Địa chỉ: tổ 8, ấp Thới A B, xã Giai X, huyện P, thành phố C.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1979

Địa chỉ: tổ 8, ấp Thới A B, xã Giai X, huyện P, thành phố C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA*:

1/ Bà Huỳnh Mỹ Ph, sinh năm 2002

2/ Bà Huỳnh Mỹ T, sinh năm 2004

3/ Lê Thị C, sinh năm 1981

Địa chỉ: tổ 8, ấp Thới A B, xã Giai X, huyện P, thành phố C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Huỳnh Ngọc T được quyền sử dụng đất diện tích 796.8m^2 gồm 627.6 m^2 đất tại thửa 117, loại đất CLN và 169.2 m^2 đất tại thửa 118, loại đất

LUC, tờ bản đồ số 13, phần đất tại vị trí A + E – Bản trích đo địa chính số 52/TTKTTNMT ngày 10/8/2022 và ông T được quyền sử dụng đất diện tích 706.1m^2 thuộc phần thửa 300, tờ bản đồ số 14, loại đất CLN, phần đất tại vị trí A – Bản trích đo địa chính số 25/TTKTTNMT ngày 10/6/2022.

- Bà Huỳnh Mỹ Ph và bà Huỳnh Mỹ T được quyền sử dụng đất diện tích 796.9m^2 gồm 562.7 m^2 đất tại thửa 117 (có 18.2 m^2 đường GT), loại đất CLN và 234.2 m^2 đất tại thửa 118, loại đất LUC, tờ bản đồ số 13, phần đất tại vị trí B + D – Bản trích đo địa chính số 52/TTKTTNMT ngày 10/8/2022 và bà Ph và bà T được quyền sử dụng đất diện tích 706.1m^2 thuộc phần thửa 300, tờ bản đồ số 14, loại đất CLN, phần đất tại vị trí B – Bản trích đo địa chính số 25/TTKTTNMT ngày 10/6/2022.

- Bà Huỳnh Ngọc P được quyền sử dụng đất diện tích 796.9m^2 gồm 70.3 m^2 đất tại thửa 117 (có 17.9 m^2 đường GT), loại đất CLN và 726.6 m^2 đất tại thửa 118, loại đất LUC, tờ bản đồ số 13, phần đất tại vị trí C + F – Bản trích đo địa chính số 52/TTKTTNMT ngày 10/8/2022 và bà Huỳnh Ngọc P được quyền sử dụng đất diện tích 742.4m^2 thuộc phần thửa 66, tờ bản đồ số 14, loại đất CLN – Bản trích đo địa chính số 25/TTKTTNMT ngày 10/6/2022.

Các phần đất nêu trên tọa lạc tại ấp Thới A B, xã Giai X, huyện P, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01237 do Ủy bA nhân dân thành phố C, tỉnh C (cũ) cấp ngày 18/7/1995 cho bà Lý Thị Út đứng tên.

(Kèm theo hồ sơ trích đo địa chính số 25/TTKTTNMT ngày 10/6/2022 và số 52/TTKTTNMT ngày 10/8/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

Các bên đương sự thống nhất không yêu cầu xem xét về phần giá trị đất.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ đến C quA nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích thửa đất và lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Cây trồng và vật kiến trúc trên đất được giao cùng với phần quyền sử dụng đất mỗi người nhận.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (người cao tuổi). Bà Huỳnh Mỹ Ph, bà Huỳnh Mỹ T tự nguyện chịu 4.391.900 đồng (Bốn triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Huỳnh Ngọc P tự nguyện chịu 4.254.600 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

- Chi phí đo đạc, định giá: Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T tự nguyện chịu 11.684.980 đồng, ông T đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAD Tp. C;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- Lưu hồ sơ.

Trần Hồng Tươi